

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG
Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Văn Thắm	Chủ tịch
Bà Lê Thị Ánh Tuyết	Thành viên
Ông Prenben Hjortlund	Thành viên
Ông Trần Minh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/07/2010)
Ông Huỳnh Trung Nam	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/07/2010)

Ban Giám đốc

Bà Tạ Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/07/2010)
Ông Emilio a Melcher	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/07/2010)
Ông Arief Gunawan	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/07/2010)
Ông Phó Thiên Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Valkema Wybe	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/07/2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính



Tạ Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 3 năm 2011



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

Số: 895 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 03 đến trang 24. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Nam Phong
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0929/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		300.824.658.045	14.917.742.013
I. Tiền	110	5	13.246.821.008	1.664.732.854
1. Tiền	111		13.246.821.008	1.664.732.854
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		250.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	250.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.776.645.313	12.339.462.900
1. Phải thu khách hàng	131		4.530.606.815	10.060.000.000
2. Trả trước cho người bán	132		4.217.632.941	6.300.000
3. Các khoản phải thu khác	135	7	24.028.405.557	2.273.162.900
IV. Hàng tồn kho	140		3.497.008.708	-
1. Hàng tồn kho	141	8	3.497.008.708	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.304.183.016	913.546.259
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	9	1.277.833.016	128.696.309
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	-	784.849.950
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	26.350.000	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		1.359.109.093.186	562.225.856.913
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		707.800.000.000	182.700.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	218	10	707.800.000.000	182.700.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.569.120.701	10.750.944
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.292.694.298	10.750.944
- Nguyên giá	222		1.384.436.765	39.719.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.742.467)	(28.968.136)
2. Tài sản cố định vô hình	227		61.120.003	-
- Nguyên giá	228		69.560.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.439.997)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		215.306.400	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		641.973.254.549	379.149.766.137
1. Đầu tư vào công ty con	251	12	394.567.454.549	334.149.766.137
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	247.405.800.000	45.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		7.766.717.936	365.339.832
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3.766.717.936	365.339.832
2. Tài sản dài hạn khác	268	15	4.000.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.659.933.751.231	577.143.598.926

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		572.374.258.827	47.108.399.639
I. Nợ ngắn hạn	310		72.374.258.827	47.108.399.639
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	-	45.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		42.426.986.579	2.001.774.300
3. Người mua trả tiền trước	313		-	85.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4.493.196.943	6.165.880
5. Phải trả người lao động	315		850.000	-
6. Chi phí phải trả	316		12.963.685.346	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	12.482.080.500	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.459.459	15.459.459
II. Nợ dài hạn	330		500.000.000.000	-
1. Vay và nợ dài hạn	334	18	500.000.000.000	-
B- NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.087.559.492.404	530.035.199.287
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.087.559.492.404	530.035.199.287
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	530.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		15.459.459	15.459.459
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		87.544.032.945	19.739.828
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.659.933.751.231	577.143.598.926



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

Tạ Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoài
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	153.732.295.454	111.665.669.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ cung cấp (10=01-02)	10		153.732.295.454	111.665.669.678
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	61.046.740.364	90.765.905.829
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		92.685.555.090	20.899.763.849
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	46.644.920.603	61.859.759.437
7. Chi phí tài chính	22	22	14.597.362.964	23.871.722.628
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.597.362.964	19.544.355.960
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.607.794.021	919.922.085
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		113.125.318.708	57.967.878.573
10. Thu nhập khác	31		266.781	59.283.312.812
11. Chi phí khác	32		1.101.665.162	106.340.183.237
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40	23	(1.101.398.381)	(47.056.870.425)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		112.023.920.327	10.911.008.148
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	24.499.627.210	2.899.090.071
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		87.524.293.117	8.011.918.077



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

Tạ Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoài
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	112.023.920.327	10.911.008.148
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	71.214.328	852.453.064
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(46.994)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(46.643.825.603)	(43.244.012.843)
- Chi phí lãi vay	06	14.597.362.964	19.544.355.960
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.048.672.016	(11.936.242.665)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(496.419.485.835)	147.495.750.638
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10	(3.497.008.708)	-
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	50.532.703.969	(857.800.378.132)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.401.378.104)	3.624.438.268
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(18.112.721.547)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(19.363.834.955)	(2.899.090.071)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (*)	16	(201.970.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(594.070.331.617)	(739.628.243.509)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.629.584.085)	(176.578.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	18.519.284.506
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(772.046.422.222)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	522.046.422.222	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(136.436.156.363)	(457.552.299.470)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	659.922.133.333
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.718.160.219	61.859.712.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(364.347.580.229)	282.572.252.812
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31	470.000.000.000	485.772.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	500.000.000.000	345.256.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(364.063.000.000)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.355.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	970.000.000.000	458.610.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.582.088.154	1.554.009.303
Tiền tồn đầu năm	60	1.664.732.854	110.676.557
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	46.994
Tiền tồn cuối năm	70	13.246.821.008	1.664.732.854

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

(*) Chi khác cho hoạt động kinh doanh trong năm thể hiện số tiền Công ty ứng trước cho các đối tác để thực hiện các dự án bất động sản và số tiền đặt cọc thuê khách sạn Star City Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral (công ty con của Công ty).



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

Tạ Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoài
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp ngày 23/08/2010 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24/07/2006). Vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 100.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2010 là 176 người (31/12/2009: 10 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế các công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống, giải khát; kinh doanh bất động sản; sản xuất và chế biến thực phẩm; mua bán lương thực, thực phẩm.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Số dư phải thu dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm khoản tiền ứng trước cho các đối tác để thực hiện các dự án bất động sản trong các năm tiếp theo và khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để tiến hành chuyển nhượng cổ phần. Theo đánh giá của Công ty, các khoản ứng trước này chắc chắn có thể thu hồi trong tương lai. Do vậy, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2010 (Số năm)
Máy móc thiết bị	03 - 05
Thiết bị văn phòng	05 - 08
Phương tiện vận tải	06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi công ty nhận đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	438.634.848	1.543.597.065
Tiền gửi ngân hàng	12.808.186.160	121.135.789
	<u>13.246.821.008</u>	<u>1.664.732.854</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	200.000.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên Việt (ii)	50.000.000.000	-
	<u><u>250.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với lãi suất thông báo theo từng thời kỳ.

(ii) Khoản góp vốn đầu tư cho mục đích thực hiện dự án bất động sản. Khoản đầu tư này không được thực hiện và được thanh lý trong tháng 1 năm 2011.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	-	2.000.000.000
Ông Hà Trọng Nam (i)	12.250.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (ii)	11.755.555.557	-
Phải thu khác	22.850.000	273.162.900
	<u><u>24.028.405.557</u></u>	<u><u>2.273.162.900</u></u>

(i) Là khoản lãi tính trên khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25/10/2010 như đã trình bày tại Thuyết minh số 10.

(ii) Là khoản lãi phải thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trong năm.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	45.045.780	-
Công cụ, dụng cụ	281.373.454	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.170.589.474	-
	<u><u>3.497.008.708</u></u>	<u><u>-</u></u>

9. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.277.833.016	128.696.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	784.849.950
	<u><u>1.277.833.016</u></u>	<u><u>913.546.259</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Phải thu dài hạn khác phản ánh các khoản tiền đã chi ra để Công ty thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản. Chi tiết như sau:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (i)	100.000.000.000	100.000.000.000
Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD (ii)	85.100.000.000	80.000.000.000
Công ty TNHH Togi Việt Nam (ii)	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi (iii)	21.700.000.000	1.700.000.000
Ông Hà Trọng Nam (iv)	500.000.000.000	-
	<u>707.800.000.000</u>	<u>182.700.000.000</u>

- (i) Khoản tiền trả trước cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương (“OGC”) (công ty mẹ của Công ty) về việc chuyển nhượng lại quyền thực hiện Dự án “Khách sạn Sao Hôm” tại Nha Trang. Bao gồm các khoản chi sau:

Số tiền 63 tỷ đồng trả cho OGC tương đương với số tiền OGC phải trả cho các đối tác để có quyền tham gia góp vốn vào Công ty TNHH T&T Đại Dương. Cụ thể OGC đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Du lịch và Đầu tư phát triển để thành lập Công ty TNHH T&T Đại Dương với số vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, trong đó OGC sở hữu 90% vốn điều lệ tương đương 63 tỷ đồng; Bà Đào Thu Thảo sở hữu 10% vốn điều lệ, tương đương 7 tỷ đồng.

Số tiền 37 tỷ đồng trả cho OGC tương ứng với số tiền mà OGC đã ký kết với các nhà thầu để thực hiện các hạng mục liên quan đến việc triển khai dự án trên.

- (ii) Khoản tiền đã chi cho các đối tác về việc chuyển nhượng lại quyền tham gia góp vốn vào Dự án “Khách sạn Viptour-Togi” của Công ty Cổ phần Viptour-Togi. Bao gồm các khoản sau:

Công ty phải trả 86 tỷ đồng cho Công ty Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD để có quyền tham gia góp 70% vốn điều lệ, tương đương 141.953.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Viptour-Togi. Số tiền đã thanh toán đến ngày 31/12/2010 là 85,1 tỷ đồng.

Công ty phải trả 1 tỷ đồng cho Công ty TNHH Togi Việt Nam để có quyền tham gia góp 10% vốn điều lệ, tương đương 20.279.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Viptour-Togi.

- (iii) Khoản tiền chuyển cho Công ty Cổ phần Viptour-Togi liên quan đến các chi phí xây dựng cơ bản của Dự án “Khách sạn Viptour-Togi”.

- (iv) Khoản ứng trước cho ông Hà Trọng Nam (bên liên quan của Công ty) theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2510/2010/HĐ-CNCP ngày 25/10/2010 về việc Công ty nhận chuyển nhượng 634.700 cổ phần của Công ty Cổ phần Tràng Tiền từ nhóm cổ đông bao gồm bà Nguyễn Thị Lan Hương, ông Hà Văn Thắm và ông Hà Trọng Nam (các bên liên quan của Công ty). Công ty đã thực hiện đánh giá lại tài sản do Công ty Cổ phần Tràng Tiền quản lý, sử dụng bằng việc thuê chuyên gia định giá đánh giá lại tài sản. Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá giao dịch chuyển nhượng này là phù hợp với thị trường.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng việc chuyển nhượng quyền tham gia góp vốn nêu trên là hợp lệ và chắc chắn sẽ thực hiện được, theo đó, các khoản mục Phải thu dài hạn khác không bị suy giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2010	-	-	39.719.080	39.719.080
Mua trong năm	641.655.545	596.064.032	106.998.108	1.344.717.685
Tại ngày 31/12/2010	641.655.545	596.064.032	146.717.188	1.384.436.765
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2010	-	-	28.968.136	28.968.136
Khấu hao trong năm	14.293.869	31.445.583	17.034.879	62.774.331
Tại ngày 31/12/2010	14.293.869	31.445.583	46.003.015	91.742.467
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2010	627.361.676	564.618.449	100.714.173	1.292.694.298
Tại ngày 31/12/2009	-	-	10.750.944	10.750.944

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên Công ty con	Ngày năm quyền kiểm soát (*)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2010 VND	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn- Givral	30/06/2009	221.638.904.186	222.573.116.137
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư	31/12/2009	172.928.550.363	111.576.650.000
		394.567.454.549	334.149.766.137

(*) Ngày Công ty nắm giữ quyền kiểm soát của các công ty con sau khi đã mua số cổ phần chi phối các công ty con này.

Thông tin chi tiết về vào các công ty con của Công ty đến tại ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ đến 31/12/2010 % (*)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Sài Gòn- Givral	Hồ Chí Minh	96,92	96,92	Sản xuất, kinh doanh bánh kẹo; Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ hỗ trợ và Phát triển đầu tư	Quảng Nam	40,00	40,00	Kinh doanh khách sạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

(*) Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty cao hơn tỷ lệ phần sở hữu tại các công ty con trên do Công ty đã có các thỏa thuận với các cổ đông của các công ty này để được quyền biểu quyết lớn hơn trong thời gian thực hiện thủ tục để sở hữu chính thức cổ phần.

Trong năm 2010, Công ty nhận được các thông báo chia cổ tức, lợi nhuận từ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral (công ty con của Công ty) với số tiền là 14.609.544.600 đồng.

13. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (i)	46.094.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam	3.341.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia (ii)	182.970.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang (iii)	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng VNT	-	45.000.000.000
	<u>247.405.800.000</u>	<u>45.000.000.000</u>

(i) Phản ánh khoản đầu tư mua 3.500.000 cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với tổng giá trị là 46.094.000.000 đồng. Giá mua cổ phiếu là giá thỏa thuận giữa hai bên, không so sánh được với giá thị trường do không có thông tin giao dịch trên thị trường đáng tin cậy.

(ii) Phản ánh khoản góp vốn hợp tác đầu tư vào Dự án đầu tư xây dựng một Khách sạn, là một phần của dự án Sài Gòn Airport Plaza theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 1126/HĐ/SAP-OCH/2010 ngày 26/11/2010 giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương và Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Liên Á - Phú Hưng Gia sẽ góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng Khu đất được các bên thống nhất tại thời điểm ký Hợp đồng. Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương tiến hành góp vốn bằng tiền mặt với số tiền bằng giá trị đầu tư xây dựng công trình Khách sạn. Các bên sẽ thành lập Ban quản lý Dự án để điều hành, triển khai Dự án. Các bên sẽ được phân phối sản phẩm, phân chia lợi nhuận theo các quy định cụ thể trong hợp đồng.

(iii) Phản ánh khoản đầu tư vào dự án xây dựng khách sạn Sao Hôm Nha Trang theo hợp đồng góp vốn đầu tư Bất động sản số 22121/2010/HĐGV/OCH-SH ngày 8/10/2010 giữa Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang (bên liên quan của Công ty) và Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương. Theo đó, Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương cam kết góp vốn cho Công ty TNHH một thành viên Sao Hôm để thực hiện dự án với giá trị là 39.824.850.000 đồng. Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương sẽ được chia sẻ lợi nhuận với lãi suất thỏa thuận trên cơ sở vốn góp.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	365.339.832	3.989.778.100
Tăng trong năm	4.123.934.291	221.700.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	(722.556.187)	-
Giảm khác	-	(3.846.138.268)
Tại ngày 31 tháng 12	<u>3.766.717.936</u>	<u>365.339.832</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.000.000.000	-
	<u>4.000.000.000</u>	<u>-</u>

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	45.000.000.000
	<u>-</u>	<u>45.000.000.000</u>

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viptour - Togi (*)	12.480.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	2.080.500	-
	<u>12.482.080.500</u>	<u>-</u>

(*) Khoản tiền ứng trước của Công ty Cổ phần Viptour Togi để thực hiện hợp đồng số 101106/OCH-5G-KSTV tháng 11 năm 2010 về việc thuê Công ty Cổ phần Dịch vụ và Khách sạn Đại Dương thiết kế khách sạn Trần Vũ.

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam (*)	500.000.000.000	-
	<u>500.000.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Phản ánh giá trị trái phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Nam theo hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2010/HĐMB-TP-PNB-OCH ngày 28/10/2010. Số lượng trái phiếu phát hành là 500, mệnh giá phát hành là 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn trái phiếu là 03 năm, không có tài sản đảm bảo. Lãi suất trái phiếu cho năm đầu tiên là 14%/năm, với các năm tiếp theo là lãi suất thả nổi theo nguyên tắc lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau trung bình của 04 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam). Mục đích phát hành là để bổ sung vốn kinh doanh cho việc thực hiện các dự án của Công ty. Công ty cam kết sẽ không thế chấp, cầm cố hoặc bán các tài sản có nguồn vốn thu được từ việc phát hành trái phiếu trên trong khi thời hạn của Trái phiếu vẫn còn hiệu lực nếu việc thế chấp, cầm cố hoặc bán các tài sản này có thể ảnh hưởng đến khả năng chi trả của Công ty, trừ khi dùng để trả nợ cho những trái phiếu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	10.000.000.000	362.821.751	15.459.459	10.378.281.210
Tăng vốn trong năm	520.000.000.000	-	-	520.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	8.011.918.077	-	8.011.918.077
Chia cổ tức năm 2008	-	(355.000.000)	-	(355.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2009	-	(8.000.000.000)	-	(8.000.000.000)
Số dư tại ngày 01/01/2010	530.000.000.000	19.739.828	15.459.459	530.035.199.287
Tăng vốn trong năm	470.000.000.000	-	-	470.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	87.524.293.117	-	87.524.293.117
Số dư tại ngày 31/12/2010	1.000.000.000.000	87.544.032.945	15.459.459	1.087.559.492.404

Theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông số 01/BB/2010 ngày 05/02/2010, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 530 tỷ đồng lên 750 tỷ đồng. Tiếp đó, theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2010/NQ-ĐHCD ngày 12/07/2010, Công ty tăng vốn điều lệ từ 750 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng.

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp ngày 23/08/2010, vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	750.000	75%	420.000	79,25%
Các cá nhân khác	250.000	25%	110.000	20,75%
	1.000.000	100%	530.000	100%

20. DOANH THU - GIÁ VỐN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	153.732.295.454	111.665.669.678
Trong đó:		
- Doanh thu bán Bất động sản đầu tư	-	108.549.011.897
- Doanh thu cho thuê Bất động sản đầu tư	-	3.116.657.781
- Doanh thu nhượng quyền kinh doanh BDS (*)	153.732.295.454	-
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	153.732.295.454	111.665.669.678
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	61.046.740.364	90.765.905.829
- Giá vốn bán Bất động sản đầu tư	-	89.933.312.297
- Giá vốn cho thuê Bất động sản đầu tư	-	832.593.532
- Giá vốn nhượng quyền kinh doanh BDS (*)	61.046.740.364	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU - GIÁ VỐN (Tiếp theo)

(*) Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh các biệt thự thuộc dự án “Novotel Imperial Hội An” cho các nhà đầu tư. Tại ngày lập báo cáo này, các căn biệt thự đã thực hiện bàn giao phần thô cho các nhà đầu tư và đang trong quá trình hoàn thiện. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích phát sinh có liên quan cho các nhà đầu tư này. Theo đó, căn cứ theo giá trị hợp đồng, biên bản bàn giao phần thô, Công ty ghi nhận doanh thu chuyển nhượng quyền kinh doanh bất động sản. Đồng thời, giá vốn chuyển nhượng bất động sản cũng được xác định tương ứng.

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.268.043.954	91.808.810
Cổ tức đầu tư chứng khoán dài hạn	-	955.333.333
Lãi đầu tư mua bán chứng khoán	-	56.412.570.300
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	46.994
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.250.000.000	4.400.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được nhận	15.126.876.649	-
	<u>46.644.920.603</u>	<u>61.859.759.437</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	14.597.362.964	19.544.355.960
Chi phí tài chính khác	-	4.327.366.668
	<u>14.597.362.964</u>	<u>23.871.722.628</u>

23. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tính trên các khoản tiền ứng trước	-	59.283.012.812
- Hợp đồng mua bán cổ phần với Công ty Cổ phần Đầu tư Massan (i)		46.199.332.223
- Hợp đồng mua bán trái phiếu với Ông Nguyễn Quỳnh Lâm (ii)		13.083.680.589
Khác	266.781	300.000
Thu nhập khác	<u>266.781</u>	<u>59.283.312.812</u>
Lãi tính trên các khoản tiền nhận ứng trước của các hợp đồng với các bên liên quan sau:	-	106.270.857.271
- Hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng VNT (iii)	-	46.199.332.223
- Hợp đồng xây dựng với Công ty TNHH Đại Dương (iii)	-	6.476.569.788
- Hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Bảo Linh (iii)	-	25.063.925.334
- Hợp đồng xây dựng với Công ty TNHH VNT (iii)	-	14.734.774.859
- Hợp đồng mua bán trái phiếu với Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương (ii)	-	13.796.255.067
Khác	1.101.665.162	69.325.966
Chi phí khác	<u>1.101.665.162</u>	<u>106.340.183.237</u>
(Lỗ) từ hoạt động khác	<u>(1.101.398.381)</u>	<u>(47.056.870.425)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC (Tiếp theo)

- (i) Phản ánh khoản lãi phát sinh trong năm 2009 là khoản lãi thu được tính trên giá trị hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương với Công ty Cổ phần Đầu tư Massan. Theo đó, Công ty đã thanh toán giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Massan với số tiền là 230 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau đó giao dịch này không được thực hiện nữa và Công ty Cổ phần Đầu tư Massan trả lại tiền đã nhận cho Công ty cùng các khoản lãi tương ứng theo lãi suất thỏa thuận.
- (ii) Phản ánh khoản lãi phát sinh trong năm 2009 theo hợp đồng đặt mua trái phiếu của ông Nguyễn Quỳnh Lâm và hợp đồng bán trái phiếu cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương với số tiền đã thanh toán là 200 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau đó các giao dịch này không được thực hiện nữa do Công ty không mua được trái phiếu, Ông Nguyễn Quỳnh Lâm trả lại tiền đã nhận của Công ty cùng khoản lãi tương ứng theo lãi suất thỏa thuận. Đồng thời, Công ty trả lại tiền đã nhận ứng trước cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương cùng khoản lãi tương ứng theo lãi suất thỏa thuận.
- (iii) Phản ánh khoản lãi thu được trong năm 2009 là lãi từ các hợp đồng nhận thầu xây dựng các công trình với các đối tác. Theo đó, các chủ đầu tư đã chuyển tiền ứng trước cho Công ty để thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, sau đó các hoạt động xây dựng này không được thực hiện, Công ty trả lại tiền đã nhận ứng trước cho các chủ đầu tư cùng khoản lãi tương ứng theo lãi suất thỏa thuận.

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện		
Lợi nhuận trước thuế	112.023.920.327	10.911.008.148
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(15.126.876.649)	(955.380.327)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	1.101.465.162	69.325.966
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	97.998.508.840	10.024.953.787
Trong đó:		
- Thu nhập chuyển nhượng bất động sản	97.998.508.840	16.566.228.975
- (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	-	(6.541.275.188)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	24.499.627.210	4.141.557.244
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Trừ: thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (*)	-	(1.242.467.173)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.499.627.210	2.899.090.071

(*) Theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2009 (do đáp ứng điều kiện có số lượng lao động bình quân dưới 300 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Các khoản cam kết đầu tư:

Góp vốn	Vốn cam kết	Đã thực hiện đến 31/12/2010	Chưa thực hiện đến 31/12/2010
	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	76.892.340.000	76.892.340.000	-
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	162.232.000.000	-	162.232.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	74.000.000.000	74.000.000.000	-
Công ty TNHH T&T Đại Dương (*)	63.000.000.000	-	63.000.000.000
	376.124.340.000	150.892.340.000	225.232.000.000

(*) Công ty TNHH T&T Đại Dương được dự kiến thành lập trong thời gian sắp tới với cam kết góp vốn của Công ty.

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2010
	VND
Trong vòng một năm	9.000.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	36.000.000.000
Sau năm năm	90.000.000.000
	135.000.000.000

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê khách sạn Star City Hồ Chí Minh - 144 Nguyễn Văn Trỗi, TP. Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral (công ty con của Công ty) với giá thuê 12 tỷ đồng/năm - miễn tiền thuê trong 3 tháng đầu năm 2011. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 15 năm tính từ năm 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Góp vốn điều lệ		
Công ty cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	330.000.000.000	420.000.000.000
Đầu tư vào công ty con		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	548.456.000	76.585.250.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	68.108.878.633	5.891.121.367
Mua lại quyền kinh doanh BĐS		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	61.046.740.364	-
Ứng trước thực hiện hợp đồng tư vấn thiết kế		
Công ty Cổ phần Viptour-Togi	12.480.000.000	-
Ứng tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Tràng Tiền		
Ông Hà Trọng Nam	500.000.000.000	-
Lãi vay phải thu từ giá trị tiền ứng trước		
Ông Hà Trọng Nam	12.250.000.000	-
Chi phí phát sinh cho hợp đồng nhận thiết kế cho		
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	677.368.421	-
Công ty Cổ phần Tràng Tiền	944.210.526	-
Công ty Cổ phần Viptour Togi	1.436.842.105	-
Góp vốn đầu tư bất động sản		
Công ty TNHH Một thành viên Sao Hôm Nha Trang	15.000.000.000	-
Lãi thu được từ tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	17.293.870.567	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng VNT	3.956.000.000	-
Ký quỹ thuê khách sạn Star City HCM		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	4.000.000.000	-
Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	14.609.544.600	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	2.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	46.094.000.000	-

Trong năm, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương đã ký hợp đồng tín dụng cho một số cá nhân vay vốn với tài sản đảm bảo là quyền kinh doanh các biệt thự như trình bày ở Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan (tiếp theo):

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư hợp tác kinh doanh		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng VNT	-	45.000.000.000
Các khoản đi vay và trả tiền cho vay có tính lãi		
<i>Các khoản đi vay</i>		
Ông Hà Trọng Nam	-	151.500.000.000
Ông Hà Văn Thắm	-	70.708.000.000
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	-	34.228.000.000
<i>Các khoản trả tiền vay</i>		
Ông Hà Trọng Nam	-	156.400.000.000
Ông Hà Văn Thắm	-	85.053.000.000
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	-	34.228.000.000
Các khoản đi vay và trả tiền cho vay không tính lãi		
Ông Hà Trọng Nam	-	10.300.000.000
Ông Hà Văn Thắm	-	21.800.000.000
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	-	570.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng VNT	-	25.000.000.000
Các khoản cho vay và thu tiền vay không tính lãi		
Ông Hà Văn Thắm	-	5.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	-	12.860.850.000
Chi phí lãi vay Công ty phải trả cho:		
Ông Hà Trọng Nam	-	5.354.623.167
Ông Hà Văn Thắm	-	2.248.562.667
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	-	313.533.832
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	-	10.751.909.072
Trị giá bảo lãnh cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại GP Bank		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương	-	45.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Một số giao dịch mua bán cổ phiếu trong năm 2010 và năm 2009:

	Năm 2010	
	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VND)
Mua cổ phần Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	3.500.000	46.094.000.000
	Năm 2009	
	Số lượng (cổ phiếu)	Số tiền (VND)
Mua thêm cổ phần Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	5.680.000	56.800.000.000
Mua cổ phần Công ty Cổ phần dịch vụ hỗ trợ và phát triển đầu tư từ:		
Ông Hồ Vĩnh Hoàng	3.400.000	74.800.000.000
Mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral từ:		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	5.950.192	188.406.456.137
Bán cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương cho Ông Hà Văn Thắm:		
Giá trị hợp đồng chuyển nhượng	2.040.000	20.400.000.000
Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng	2.040.000	-
Bán cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương cho Doanh nghiệp Tư nhân Hà Bảo:		
Giá trị hợp đồng chuyển nhượng	1.866.000	33.588.000.000
Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng (ghi nhận ở doanh thu tài chính của Công ty)	1.866.000	6.825.399.053
Bán cổ phần Công ty Cổ phần Hà Thành cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh		
Giá trị hợp đồng chuyển nhượng	2.070.000	72.450.000.000
Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng (ghi nhận ở doanh thu tài chính của Công ty)	2.070.000	3.105.000.000
Bán cổ phiếu Công ty Cổ phần VietCans cho Ông Hà Văn Thắm:		
Giá trị hợp đồng chuyển nhượng	60.000	21.369.000.000
Lợi nhuận từ việc chuyển nhượng	60.000	-

Giá mua cổ phiếu từ các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa hai bên, không so sánh được với giá thị trường do không có thông tin giao dịch trên thị trường đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	-	10.060.000.000
Phải thu dài hạn khác		
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đại Dương	100.000.000.000	100.000.000.000
Ông Hà Trọng Nam	512.250.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	11.755.555.557	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	-	2.000.000.000
Phải trả cho nhà cung cấp		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển Đầu tư	39.169.157.237	-
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	12.480.000.000	-
Ký quỹ thực hiện hợp đồng		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	4.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn		
Công ty TNHH một thành viên Sao Hôm Nha Trang	15.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	46.094.000.000	-
Đầu tư vào Công ty con		
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral	223.121.572.137	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	172.928.550.363	-

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

	<u>Năm 2010</u>	<u>Năm 2009</u>
	VND	VND
Thu nhập từ tiền lương	944.477.525	42.630.000
Thu nhập từ cổ tức của Công ty	-	8.355.000.000
Thu nhập thù lao thành viên HĐQT, BKS	-	25.800.000

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.



Hà Văn Thắm
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2011

Tạ Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoài
Kế toán trưởng